

Bản án số: 534/2020/HC-PT

Ngày 15 tháng 9 năm 2020

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về việc
phê duyệt phương án bồi thường, hỗ
trợ do thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số
306/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ
trợ do thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm
2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3308/2020/QĐ-PT
ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1955. Địa chỉ:
Thôn U, xã H2, huyện H1, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình
Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Hải – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đức Tuyên – Phó Chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Hoàng Quốc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện: Ông Lương Văn Hải (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn Tú (có mặt) và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung (có mặt).

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (xin xét xử vắng mặt).

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Thọ (có mặt).

Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1952 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991. (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông Phạm Thanh P (có mặt).

Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1984 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu, sinh năm 1983.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hiếu: Ông Nguyễn Thanh K (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn U, xã H2, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hoàng H trình bày:

Ngày 24/01/2018, UBND thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định số 411/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà để thực hiện dự án mở rộng khu dân cư Bắc Xuân An, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết. Ngày 01/11/2017, gia đình bà nhận được Thông báo số 3539/TB-PTQĐ thông báo kiểm tra đối chiếu số liệu đo đạc, thẩm định bảng T toán phương án bồi thường hỗ trợ. Không đồng ý với quyết định nêu trên, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố Phan Thiết về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Nguyễn Thanh V.

- Buộc UBND thành phố Phan Thiết ban hành quyết định thu hồi đất bồi thường, tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H theo đúng quy định pháp luật.

Theo bà H xác định: Nguồn gốc đất là cha mẹ bà cho vợ chồng bà được sử dụng, có diện tích 10.210m², tọa lạc tại khu phố 2, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết. Thửa đất này được cha mẹ bà nhận chuyển nhượng, thể hiện tại Tờ bán đứt ruộng muối có chứng thực của chính quyền vào ngày

19/12/1973. Từ năm 1973 đến nay, gia đình bà sử dụng ổn định, liên tục trên đất không ai tranh chấp. Năm 1998, gia đình bà đổ đất làm mặt bằng và phân chia di sản thừa kế được Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận công chứng vào ngày 27/11/2012, thì ông Võ Văn Trung được chia diện tích 8.024,4m² vợ chồng bà có đơn yêu cầu UBND phường Xuân An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị từ chối, vì cho rằng diện tích đất này đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm. Hiện nay trên đất có 05 căn nhà cấp 4 tồn tại trên đất bị khiếu kiện do các con bà đang sinh sống.

Đại diện người bị kiện UBND thành phố Phan Thiết trình bày:

UBND thành phố Phan Thiết đã căn cứ vào những quy định của pháp luật cho nên việc ban hành Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền. UBND thành phố Phan Thiết không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Bình Thuận trình bày:

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Hợp tác xã muối Phong Năm có nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Sở địa chính kiểm tra có Tờ trình số 29/TT/ĐC-ĐKTK ngày 09/3/2000 trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho Hợp tác xã muối Phong Năm. Căn cứ vào các quy định thì tổng diện tích đất được UBND xã Phong Năm và UBND thành phố Phan Thiết đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm là 283.265m². UBND tỉnh ban hành Quyết định số 909/QĐ/CT-UBNUBBT ngày 24/5/2000 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm là 283.265m² và cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm tại thời điểm năm 2000 được thực hiện theo đúng quy định Luật đất đai năm 1993 (Luật sửa đổi bổ sung năm 1998), Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 06/3/1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và các chủ trương của UBND các cấp tỉnh, huyện về công tác đăng ký đất.

Tại thời điểm kiểm tra và trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q579742 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00011QSDD/T-C) cho Hợp tác xã muối Phong Năm đã xác định diện tích thửa đất số 15/5.680m², thửa số 17/4.530m² là đất làm muối. UBND tỉnh không đồng ý với ý kiến của đương sự cho rằng diện tích của các hộ dân nêu trên đang sử dụng nằm trong diện tích 02 thửa này sử dụng cho đến thời điểm khởi kiện và các hộ dân cho rằng không đưa diện tích đất này vào Hợp tác xã muối là không đúng.

Tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 UBND tỉnh thu hồi diện tích đất trên của Hợp tác xã muối Phong Năm giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý.

Căn cứ theo hồ sơ bồi thường của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận thì diện tích đất thu hồi của bà Nguyễn Thị Hoàng H đang nằm

trong diện tích 15.929m² đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 23/7/2013.

Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày:

Hợp tác xã muối Phong Năm không được bồi thường về đất nông nghiệp mà chỉ được T các khoản chi phí như: Chi phí đầu tư xây dựng ruộng muối, công đào ao, hỗ trợ khối lượng đất đắp nền. Việc Hợp tác xã muối Phong Năm có đền bù cho xã viên hay không thì Trung tâm không xác định được. Thửa đất số 17/4.538m² theo bản đồ địa chính tương ứng thửa đất số 01/686m² và thửa đất số 15/5.680m² theo bản đồ địa chính tương ứng với thửa đất số 9/263m² và thửa 13/567m² theo bản đồ thu hồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, ông Ngô Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Thông nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND phường Xuân An trình bày:

Bà H sử dụng đất năm nào thì UBND phường Xuân An không rõ bởi UBND phường Xuân An làm Chủ tịch nhiệm kỳ mới đây, chỉ biết năm 2005 có cưỡng chế việc bà H xây dựng làm nhà thêm.

Người làm chứng ông Nguyễn Anh T3 trình bày:

Từ năm 1984 ông tham gia vào Hợp tác xã muối Phong Năm với tư cách là xã viên, những năm 2000 đến năm 2005, ông làm Chủ nhiệm Hợp tác xã muối Phong Năm. Ông xác định năm 2005, Hợp tác xã đã có quyết định giải thể, nhưng đến năm 2010 thì mới chính thức tan rã, các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động của Hợp tác xã ông đã chuyển cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý. Quá trình tham gia trong Hợp tác xã muối Phong Năm ông không biết có xã viên nào tên là Nguyễn Thị Hoàng H hay Nguyễn X, Trần Thị N, nhưng ông có biết bà Nguyễn Thị Hoàng H do năm 2000 bà H thấy đồng muối bỏ hoang không sử dụng nên bà H xin mượn đất làm tiệm sửa xe và đã được Ban chủ nhiệm Hợp tác xã đồng ý. Phần đất bà H đang khiếu nại hiện nay được gọi là đồng muối Mười Trí. Đồng thời ông có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 134; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H về việc:

- Hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố Phan Thiết về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Nguyễn Thanh V.

- Buộc UBND thành phố Phan Thiết ban hành quyết định thu hồi đất bồi thường, tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2019 UBND thành phố Phan Thiết nộp đơn kháng cáo tại Tòa án, ngày 18/12/2019 UBND thành phố Phan Thiết mới nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND thành phố Phan Thiết kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 75/QĐ-VKS-HC ngày 27/8/2019 kháng nghị. Theo quyết định kháng nghị nêu: Phần đất mà bà Nguyễn Thị Hoàng H khiếu nại có nguồn gốc là của cụ Nguyễn X, cụ Trần Thị N. Năm 1977 thì phần đất trên cụ X, cụ N, ông Võ Văn N1 đưa vào Hợp tác xã muối Phong Năm. Hợp tác xã muối Phong Năm có trả lại tiền nhượng lại đất cho hộ cụ Xưa, cụ Ngà từ năm 1977 đến năm 1979 với số tiền là 166.171đ, theo Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 24/5/2000 UBND tỉnh cấp quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm; Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 07/4/2006 UBND tỉnh thu hồi đất giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận xây dựng khu dân cư; Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 13/12/2006 phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho Hợp tác xã muối Phong Năm; Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 thu hồi tiếp phần đất còn lại của Hợp tác xã muối Phong Năm; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 thu hồi đất của Hợp tác xã giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận để xây dựng khu dân cư. Tòa án nhân dân sơ thẩm chưa làm rõ từ năm 1977 đến năm 1979 gia đình cụ Nguyễn X có nhận tiền mà Hợp tác xã muối Phong Năm trả không, tiền đó là tiền gì, xử hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố Phan Thiết về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Nguyễn Thanh V. Buộc UBND thành phố Phan Thiết ban hành quyết định thu hồi đất bồi thường, tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H theo đúng quy định pháp luật như trên mà không xem xét các quyết định cấp quyền sử dụng đất, thu hồi đất của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận là vi phạm tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị

Hoàng H, vì bà H cũng như gia đình bà không còn là xã viên của Hợp tác xã muối Phong Năm từ những năm 1980. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết, cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Cụ Nguyễn X, sinh năm 1905; cùng vợ là cụ Trần Thị N, 02 cụ có 06 người con là bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1942; ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1945; ông Nguyễn B2, sinh năm 1949; ông Nguyễn L, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1955; ông Nguyễn M, sinh năm 1963. Nhưng ông L, ông T3, ông M không có vợ con và chết trước cụ Nguyễn X.

Theo Tờ bán đứt đất ruộng muối năm 1973 thì cụ Nguyễn X và ông Võ Văn N1 là người sử dụng 10.060m² đất ruộng muối tại ấp An Lợi, Lại An, quận Thiên Giáo, tỉnh Bình Thuận, sau năm 1975 vị trí đất nêu trên thuộc xã Phong Năm, thị xã Phan Thiết nay là phường Xuân An, thành phố Phan Thiết.

Theo hồ sơ thì năm 1977 cụ Nguyễn X đưa vào Hợp tác xã theo bản thanh toán tiền hóa giá ruộng đất lập tháng 11/1979 thì số ruộng muối thuộc đội sản xuất muối Thành Lợi, đội sản xuất muối Thành Lợi đã thanh toán cho 29 hộ dân có đất đưa vào Hợp tác xã, trong đó hộ cụ X nhận từ năm 1977 đến 1979 bằng 166.171đ, sau đó đội sản xuất muối Thành Lợi chuyển sang Hợp tác xã Hải Phong tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 4.413đ 6 hào. Trong đó có hộ cụ X. Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình cụ Xưa không thừa nhận có nhận tiền Hợp tác xã trả lại tiền đất ruộng muối. Còn phía UBND thì cho rằng Hợp tác xã chỉ trả tiền trên cho gia đình cụ X, nên cụ X không có tên xã viên Hợp tác xã vào năm 1980.

Năm 1990 cụ X chết, ngày 08/5/1997 cụ N lập di chúc có nội dung: Nếu sau này phần ruộng muối được Nhà nước trả lại thì 02 con Nguyễn Thị N2 và Nguyễn Thị Hoàng H có quyền thừa hưởng.

Ngày 24/5/2000, UBND tỉnh có Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 24/5/2000 của UBND tỉnh cấp quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm 283.265m² đất ruộng muối (có 10.000m² đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn X, ông Võ Văn N1) theo bản đồ do sở địa chính tỉnh Bình Thuận lập

ngày 23/12/1999 (thửa đất số 15 diện tích 5.680m², thửa đất số 17 diện tích 4.538m²).

Ngày 26/01/2001, ông Nguyễn Thanh V (cH bà H); ông Võ Văn N1 (chồng bà N2) đứng đơn xin tái phục hóa ruộng muối. Đơn cũng nói rõ từ năm 1977 đến năm 1979 gia đình đưa toàn bộ số đất trên vào Hợp tác xã muối Phong Năm, từ đó đến nay gia đình không được làm, nhìn mảnh ruộng muối nhiều năm không ai canh tác, gia đình yêu cầu được nhận khoán lại diện tích ruộng muối trên để tái phục hóa, tham gia sản xuất. Ngày 11/9/2002, Phòng Kinh tế UBND thành phố Phan Thiết có Báo cáo số 103 và UBND phường Xuân An có Công văn số 39 ngày 23/10/2002 không chấp nhận đơn của ông V, ông N1 (BL 59). Mặc dù, đơn xin phục hóa của ông V, ông N1 không được chấp nhận nhưng gia đình bà H (vợ ông V) xây nhà tạm trên đất ruộng muối, năm 2005 xây nhà cấp 4, nên ngày 28/01/2005 Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định xử phạt hành chính với hành vi chiếm đất sử dụng không đúng mục đích, xây dựng nhà tạm diện tích 59,65m² không phép, mức phạt 1.900.000đ.

Ngày 07/4/2006, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 882 thu hồi 285.681m² đất tại phường Xuân An. Trong đó có 133.450m² đất ruộng muối của Hợp tác xã muối Phong Năm. Trong đó có 10.000m² tại thửa số 15 và thửa số 17 có nguồn gốc của cụ X. Ngày 13/12/2006, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3227/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ 1.985.175.000đ cho Hợp tác xã muối Phong Năm, đã bồi thường cho Hợp tác xã muối Phong Năm vào ngày 31/5/2017.

Ngày 23/7/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1721 thu hồi tiếp phần đất còn lại là 15.929m² của Hợp tác xã muối Phong Năm. Theo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận cho rằng có 01 phần đất tại thửa số 17 có KH1nại của bà H mà UBND tỉnh Bình Thuận cấp quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm vào năm 2000. Sau khi có Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thì bà H kê khai yêu cầu bồi thường 2.500m² đất theo Tờ mua đất của cụ X vào năm 1973 và theo di chúc của bà N lập ngày 27/11/2012, nên bà H yêu cầu bồi thường về đất và nhà cấp 4 xây dựng năm 2005.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do phần đất trên gia đình của cụ X đưa vào Hợp tác xã muối Phong Năm năm 1977, Hợp tác xã muối Phong Năm có trả lại thành quả lao động cho cụ X, cụ N từ năm 1977 đến năm 1979 với số tiền là 166.171đ, số đất trên được UBND tỉnh Bình Thuận cấp quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã muối Phong Năm vào năm 2000, nên không coi là tài sản của cụ X, cụ N nữa, nên ngày 07/4/2006 UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định

thu hồi đất số 882/QĐ-UBND và ngày 23/7/2012 có Quyết định thu hồi đất số 1721/QĐ-UBND- thu hồi đất phần còn lại của Hợp tác xã muối Phong Năm và ngày 24/01/2018 UBND thành phố Phan Thiết có Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ 30% của giá trị đất cho hộ bà H bằng 61.805.400đ.

Việc UBND thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ 30% của giá trị đất như trên là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà H như trên. Buộc UBND thành phố Phan Thiết ban hành quyết định thu hồi đất, giải quyết bồi thường lại đất cho hộ bà H là trái với quyết định cấp quyền sử dụng đất và thu hồi đất của UBND tỉnh Bình Thuận. Xét xử như trên là không có căn cứ, nên cần phải chấp nhận theo kháng cáo của UBND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, sửa bản án sơ thẩm, xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng H khởi kiện đòi hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố Phan Thiết về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Nguyễn Thanh V.

[3] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm bà H phải chịu. UBND thành phố Phan Thiết không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 116; Điều 191; khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Các Điều 35, Điều 36 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND thành phố Phan Thiết về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H, ông Nguyễn Thanh V cũng như yêu cầu buộc UBND thành phố Phan Thiết ban hành quyết định thu hồi đất bồi thường, tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Hoàng H.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng H được miễn theo quy định của pháp luật (người cao tuổi).

Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: UBND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Ngày 18/12/2019, UBND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003597 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; số tiền này được hoàn trả lại cho UBND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (ĐTT-16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Chánh Trung

